

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Hình thức đào tạo: Liên thông Đại học chính quy
đối với đối tượng đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy

(Ban hành theo Quyết định số **289**/QĐ-ĐHKTQD ngày **06**/3/2026 của Giám đốc Đại học)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKTQD)

Tên tiếng Anh: National Economics University (NEU)

2. Mã tuyển sinh: NEU

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 207 Đường Giải Phóng, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://neu.edu.vn>; <https://daotao.neu.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0888.128.558 (trong giờ hành chính)

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://neu.edu.vn> ; <https://daotao.neu.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Đại học: <https://neu.edu.vn>

8. Tra cứu và tham khảo các ngành, chương trình đào tạo tuyển sinh:



9. App tuyển sinh "NEU Tuyển sinh"



[Handwritten signature]

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng, điều kiện chung

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy trong nước, nếu của nước ngoài thì phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.2. Đối tượng, điều kiện cụ thể cho từng phương thức xét tuyển

- Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026: thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 tại mục 2.1 và đáp ứng ngưỡng đầu vào tại mục 3;

- Xét tuyển kết hợp theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026: thí sinh đáp ứng các điều kiện nộp hồ sơ tại mục 2.2 và đáp ứng ngưỡng đầu vào tại mục 3;

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

Năm 2026, ĐHKQTĐ tuyển sinh theo các phương thức như sau:

2.1. Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 áp dụng cho các đối tượng thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 bao gồm thí sinh liên thông cao đẳng lên đại học chính quy; áp dụng cho tất cả các ngành/chương trình tuyển sinh năm 2026 của ĐHKQTĐ tại mục 4.

ĐHKQTĐ sử dụng 04 tổ hợp xét tuyển là A00 (Toán-Lý-Hóa), A01 (Toán-Lý-Anh), D01 (Toán-Văn-Anh), D07 (Toán-Hóa-Anh), các môn trong tổ hợp là hệ số 1.

2.2. Xét tuyển kết hợp áp dụng với tất cả các ngành/chương trình tuyển sinh năm 2026 và cho các thí sinh như sau:

(1) Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT từ 1200 điểm trở lên hoặc ACT từ 26 điểm trở lên được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2026.

Thí sinh khi thi SAT, ACT cần đăng ký mã của Đại học Kinh tế quốc dân với tổ chức thi SAT là 7793-National Economics University và ACT là 1767-National Economics University. Nếu thí sinh đã thi mà chưa đăng ký mã của ĐHKQTĐ thì cần đăng ký lại với tổ chức thi SAT hoặc ACT.

(2) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội (HSA) từ 85 điểm trở lên hoặc đánh giá năng lực của ĐHQG TPHCM (V-ACT) từ 700 điểm trở lên hoặc có điểm thi đánh giá tư duy của ĐH Bách khoa Hà Nội (TSA) từ 60 điểm trở lên hoặc thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 46 hoặc TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên kết hợp với một trong các điểm thi HSA/V-ACT/TSA nêu trên.

+ Các điểm thi HSA/V-ACT/TSA có thời hạn trong các năm 2024, 2025, 2026

+ Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT/TOEIC được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2026.

(3) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 46 hoặc TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của môn Toán và 01 môn khác môn tiếng Anh thuộc các tổ hợp xét tuyển của Đại học (Văn, Lý hoặc Hoá).

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT/TOEIC được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2026.

* **Lưu ý:** phương thức xét tuyển kết hợp không xét tuyển đối với tất cả các chứng chỉ quốc tế có hình thức thi “Home edition”.

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm như sau:

IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm quy đổi
7.5 - 9.0	102 trở lên	965/190/190 trở lên	10
7.0	94 - 101	945/180/180	9.5
6.5	79 - 93	890/170/170	9.0
6.0	60 - 78	840/160/160	8.5
5.5	46 - 59	785/160/150	8.0

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy đổi ngưỡng đầu vào: Đại học sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, đối với phương thức xét tuyển kết hợp, ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của từng đối tượng trong mỗi nhóm xét tuyển kết hợp.

3.2. Quy đổi điểm trúng tuyển (độ lệch điểm): Đại học sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

4. Ngành/chương trình và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng tuyển sinh
1	7340204	Bảo hiểm	7340204	Bảo hiểm	2
2	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	2
3	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	2
4	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	2
5	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	2
6	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	2
7	7340401	Khoa học quản lý	7340401	Khoa học quản lý	2
8	7340302	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	2
9	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	2
10	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	2
11	7340121	Kinh doanh thương mại	7340121	Kinh doanh thương mại	2
12	7310104	Kinh tế đầu tư	7310104	Kinh tế đầu tư	2
13	7310101_1	Kinh tế học	7310101	Kinh tế	2

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng tuyển sinh
14	7310101_2	Kinh tế và quản lý đô thị	7310101	Kinh tế	2
15	7310101_3	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực	7310101	Kinh tế	2
16	7620115	Kinh tế nông nghiệp	7620115	Kinh tế nông nghiệp	2
17	7310105	Kinh tế phát triển	7310105	Kinh tế phát triển	2
20	7310106	Kinh tế quốc tế	7310106	Kinh tế quốc tế	2
21	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	2
22	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2
23	7380101	Luật	7380101	Luật	2
24	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	2
25	7340115	Marketing	7340115	Marketing	2
26	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	2
27	7320108	Quan hệ công chúng	7320108	Quan hệ công chúng	2
28	7340403	Quản lý công	7340403	Quản lý công	2
29	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	2
30	7340409	Quản lý dự án	7340409	Quản lý dự án	2
31	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	2
32	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2
33	7810201	Quản trị khách sạn	7810201	Quản trị khách sạn	2
34	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	2
35	7340404	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	2
36	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	2
37	7310107	Thống kê kinh tế	7310107	Thống kê kinh tế	2
36	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	2
37	7310108	Toán kinh tế	7310108	Toán kinh tế	2
		TỔNG			74

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Đại học

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

ĐHKTQD không tổ chức sơ tuyển, không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

5.2. Điểm cộng: không có

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đối với các mã tuyển sinh theo nhóm ngành: không có

5.4. Các thông tin khác

- ĐHKQTĐ đồng nhất tuyển sinh (không xét riêng) đối với thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy như thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông về tất cả các điều kiện, tiêu chí xét tuyển bao gồm chỉ tiêu, phương thức, phạm vi, đối tượng và các tiêu chí khác.

A

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy khi trúng tuyển, nhập học sẽ được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (bảo lưu) các môn học/học phần theo quy định của ĐHKQTĐ.

6. Tổ chức tuyển sinh

- ĐHKQTĐ dự kiến xét tuyển 01 đợt/năm khoảng tháng 5-6/2026 cùng với tuyển sinh chính quy đại học.

- Hình thức tuyển sinh: thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến/online theo Thông báo của Đại học.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: thí sinh đã tốt nghiệp và được cấp bằng và bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng chính quy.

- ĐHKQTĐ xét tuyển hồ sơ theo ngành/chương trình xét tuyển như tuyển sinh chính quy đại học.

7. Chính sách ưu tiên

ĐHKQTĐ áp dụng chính sách ưu tiên chung theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

- Tổng điểm ưu tiên = Điểm ưu tiên khu vực (nếu có) + Điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

ĐHKQTĐ áp dụng chính sách ưu tiên chung theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

- Tổng điểm ưu tiên = Điểm ưu tiên khu vực (nếu có) + Điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)



Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và theo thông báo của ĐHKQTĐ.

9. ĐHKQTĐ thực hiện các cam kết đối với thí sinh

ĐHKQTĐ cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của ĐHKQTĐ.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về học phí

Học phí đại học chính quy chương trình chuẩn: theo ngành/chương trình năm 2026 khoảng từ 20 triệu đồng đến 28 triệu đồng/năm học.

Lộ trình tăng học phí tối đa 10% cho từng năm và thực hiện theo Nghị định số 238/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

10.2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Sinh viên để được xét tốt nghiệp cần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, cụ thể là:

TT	Ngành/Chương trình	Khung NLNNVN	Điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế				
			IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC	
						Nghe-Đọc	Nói-Viết
1	Ngôn ngữ Anh và chương trình tiên tiến	Bậc 5	6,5	79			
2	Chương trình chất lượng cao, POHE và các chương trình học bằng tiếng Anh	Bậc 4	6,0	60	543	730	290
3	Chương trình chính quy chuẩn (học bằng tiếng Việt)	Bậc 4	5,5	46	500	600	270

(Lưu ý: Một số chương trình học bằng tiếng Anh có chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 5, thí sinh cần xem thêm chi tiết chuẩn đầu ra tiếng Anh của từng chương trình)

10.3. Về điều chuyển linh hoạt chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy được linh hoạt điều chuyển với chỉ tiêu liên thông chính quy (văn bằng hai). Trường hợp tuyển sinh ở đợt/đối tượng/hệ này không đủ thì được điều chuyển cho đợt/đối tượng/hệ khác và ngược lại, đảm bảo không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký và công bố.

(Chữ ký)

10.4. Về tổ chức biên chế lớp sinh viên

- *Chương trình đào tạo:* theo chương trình đào tạo đại học chính quy, thời gian đào tạo theo kế hoạch chuẩn là 4 năm, có thể rút ngắn hoặc kéo dài (đến 6 năm).

- *Phương thức tổ chức lớp học:* thí sinh trúng tuyển được xếp lớp và tổ chức đào tạo cùng với sinh viên đại học chính quy hệ chuẩn; được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (bảo lưu) các môn học/học phần theo quy định.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của ĐHKQTĐ:

Năm 2024: <https://daotao.neu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-2024>

Năm 2025: <https://daotao.neu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-2025>

Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ cập nhật thông tin tuyển sinh mới (nếu có) theo quy định của Bộ GDĐT.

Cán bộ tuyển sinh:
Hoàng Thanh Hà
ĐT: 0888.128.558
Email: tuvan TUYENSINH@neu.edu.vn

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS Bùi Huy Nhượng